BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 28 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BXD ngày 17/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc uỷ quyền cho Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường ký văn bản công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần COFECO và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03 tháng 01 năm 2017,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần COFECO

Địa chỉ: Số 43, Phố Hải Long, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Mã số thuế: 5701821099

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm nền móng & kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: KCN Cái Lân, P. Giếng Đáy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1683**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần COFECO;
- Sở XD Tỉnh Quảng Ninh;
- TT Thông tin *(website);*
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Trung Thành

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1683

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 28 /GCN-BXD ngày 24 tháng 01 năm 2017)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030: 03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 95
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 95
4	Xi măng pooc lăng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 2682:09 TCVN 6260:09
5	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:09
6	XĐ nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:05
7	Các tiêu chuẩn để thử xi măng – Phương pháp thử	TCVN 139:91
8	Cát tiêu chuẩn ISO để xác định cường độ xi măng – Phương pháp thử	TCVN 6227:96
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG	
9	Lấy mẫu bê tông và chế tạo mẫu thử	TCVN 3105:93
10	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106 :1993
11	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107 :1993
12	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993
13	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109 :1993
14	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 :1993
15	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111 :1993
16	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112 :1993
17	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113 :1993
18	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114 :1993
19	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115 :1993
20	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116 :1993
21	Thử độ co	TCVN 3117 :1993
22	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118 :1993
23	Xác định giới hạn bền khi kéo uốn	TCVN 3119 :1993
24	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 3126 :1993
25	Xác định cường độ của cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847 :1993
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
26	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572 – 2: 06
27	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572 – 4: 06
28	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572 – 5: 06
29	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572 – 6: 06
30	Xác định độ ẩm	TCVN 7572 – 7: 06
31	XĐ HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sột cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 – 8: 06
32	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572 – 9: 06
33	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572 – 10: 06
34	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572 – 11: 06
35	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572 – 12: 06
36	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572 – 13: 06
37	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572 – 17: 06
38	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 – 20: 06
39	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 – 91
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
40	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121 – 1: 03

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
41	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121 – 2: 03
42	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121 – 3: 03
43	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121 – 6: 03
44	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121 – 8: 03
45	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121 – 9: 03
46	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121 – 10: 03
47	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đó đóng rắn	TCVN 3121 – 11: 03
48	Xác định độ hút nước của vữa đó đóng rắn	TCVN 3121 – 18: 03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH XÂY DỰNG	
49	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355 – 1: 09
50	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355 – 2: 09
51	Xác định độ hút nước	TCVN 6355 – 3: 09
52	Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355 – 4: 98
53	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355 – 5: 09
54	Xác định độ rỗng	TCVN 6355 – 6: 09
	THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH BLOC BÊ TÔNG NHẸ	
55	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 317: 04
56	Xác định cường độ nén	TCVN 317: 04
57	Xác định độ hút nước	TCVN 317: 04
58	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 317: 04
	THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH BÊ TÔNG KHI CHƯNG ÁP (ACC)	
59	Xác định kích thước	TCVN 7959: 08
60	Xác định khối lượng khô	TCVN 7959: 08
61	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 7959: 08
	THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH BÊ TÔNG CỐT LIỆU - XI MĂNG	
62	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477: 99
63	Xác định cường độ nén	TCVN 6477: 99
64	Xác định độ rỗng	TCVN 6477: 99
65	Xác định độ hút nước	TCVN 6477: 99
	THỬ NGHIỆM CƠ LÍ GẠCH XIMANNG LÁT NỀN, GẠCH GRANITO	
66	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065: 95
67	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065: 95
68	Xác định độ hút nước	TCVN 6065: 95
69	Xác định va đập xung kích	TCVN 6065: 95
70	Xác định tải trọng uốn, gãy toàn viên	TCVN 6065: 95
71	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065: 95
72	Thử cơ lý gạch Granito	TCVN 6074: 95
	THỬ NGHIỆM CƠ LÍ NGÓI ĐẤT SÉT NUNG	
73	Xác định tải trọng uốn, gãy của ngói	TCVN 4313: 98
74	Xác định độ hút nước	TCVN 4313: 98
75	Xác định thời gian không xuyên nước của ngói	TCVN 4313: 98
76	Xác định khối lượng 1m2 ngói bão hòa nước	TCVN 4313: 98
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
77	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 95
78	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 95
79	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 95
80	Xác định thành phần cô hạt	TCVN 4198: 95
81	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 95
82	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 95
83	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 95

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
84	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202: 95
85	Xác định hệ số thấm K	TCVN 4202: 95
86	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR), trong phòng thí nghiệm	ASTM D 2434 – 00
	BÊ TÔNG NHỰA	
87	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860 – 1: 11
88	PP xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860 – 2: 11
89	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860 – 3: 11
90	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860 – 4: 11
91	PP xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đó đầm nén	TCVN 8860 – 5: 11
92	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860 – 6: 11
93	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860 – 7: 11
94	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860 – 8: 11
95	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860 – 9: 11
96	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860 – 10: 11
97	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860 – 11: 11
98	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860 – 12: 11
	NHỰA BITUM	
99	Xác định độ kim lún ở 25^0C	TCVN 7495 : 05
100	Xác định độ kéo dài của nhựa đường ở 25^0C	TCVN 7496 : 05
101	Xác định nhiệt độ hoá mềm (Phương pháp vũng và bi)	TCVN 7497 : 05
102	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498 : 05
103	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở nhiệt độ 163^0C trong 5h	TCVN 7499 : 05
104	Xác định lượng hoà tan của nhựa trong Tricloretylen	TCVN 7500 : 05
105	Xác định khối lượng riêng ở 25^0C	TCVN 7501 : 05
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502 : 05
106	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 05
107	**THỬ CƠ LÍ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN**	
108	Thành phần hạt	22 TCN 58-84
109	Lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
110	Hàm lượng nước	22 TCN 58-84
111	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84
112	KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84
113	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
114	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58-84
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
115	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22 TCN 02-71
116	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346-06
117	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN8864: 11
118	XĐ modun đàn hồi theo độ vừng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkeman	TCVN 8867: 11
119	XĐ modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng PP tấm ép cứng	TCVN 8861: 11
120	Thí nghiệm CBR – Ngoài hiện trường	ASTM D4429 – 92
121	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 1548: 87
122	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCXD 171:89
123	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCXDVN 269: 02
124	Thí nghiệm cọc khoan nhồi PP Siêu âm	TCXDVN 80: 02
125	Đo điện trở đất	TCXDVN 46:07
126	XĐ sức chịu tải của đất, cát đắp nền	ASTM D1194:94

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
127	Đất xây dựng – PP thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh	TCXDVN 80:02
128	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCXD 240:2000
129	Trắc địa công trình xây dựng	TCXDVN 309:05
	THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH BENTONITE	
130	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395:2012
131	Độ nhớt	TCVN 9395:2012
132	Hàm lượng cát	TCVN 9395:2012
133	Ti lệ chất keo	TCVN 9395:2012
134	Lượng mất nước	TCVN 9395:2012
135	Độ dày áo của sét	TCVN 9395:2012
136	Lực cắt tĩnh	TCVN 9395:2012
	PHÂN TÍCH HÓA CHO NƯỚC XÂY DỰNG	
137	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
138	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
139	Xác định độ pH	TCVN 6492:99
140	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:96
141	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{--})	TCVN 6200:96
142	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
143	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:00
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
144	Thử kéo	TCVN 197:2002
145	Thử uốn	TCVN 198:85
146	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:91
147	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:91
148	Thử kéo mối hàn kim loai	TCVN 5403:91
149	Ống thép hàn - Thử siêu âm mối hàn để phát hiện các khuyết tật	TCVN 6116:96
150	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:87
151	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000
	ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
152	Xác đinh đầm nén chặt	22TCN 59-84
153	Xác định cường độ kháng ép	22TCN 59-84
154	Xác định môđun đàn hồi	22TCN 59-84
155	Xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hoà - sấy	22TCN 59-84
156	Xác định cường độ kháng kéo	22TCN 59-84
157	Xác định môdul đàn hồi cả VL đá gia cố chất kết dính vô cơ	22TCN 72:84
158	XĐ cương độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng các chất kết dính	22TCN 73:84
159	Thành phần cấp phối hạt của vật liệu	22TCN 57:84
	THÍ NGHIỆM TRÊN KẾT CẤU CÔNG TRÌNH	
160	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	22TCN 16:79
161	Xác định Modun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	22TCN 211:06
162	Xác định Modun đàn hồi E áo đường bằng cần Benkelman	22TCN 251:98
163	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	22TCN 278:01
164	Kiểm định cầu trên đường ô tô	22TCN 243:98
165	Kiểm tra các tính chất cơ lý và tính năng làm việc của gối cầu	22TCN 217:89
166	Đo chuyển vị, độ võng, ứng suất cọc, cầu	22TCN 170:87
167	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCXD 171:89
168	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ đường kính cốt thép ở bên trong	TCXD 240:00

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
169	Cọc – Thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
170	Cọc – Thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh nhổ dọc trục	TCXD 88:82
171	Cọc – Thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh nằm ngang	TCXD 88:82
172	Cọc – Thí nghiệm cọc đóng bằng tải trọng động	TCXD 88:82
173	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
174	Cọc – Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn PDA	ASTM D4945-00
175	Cọc – Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng nhỏ PIT	TCVN 9397:2012
176	Siêu âm hố khoan cọc nhồi bằng phương pháp KODEN TEST	TCVN 9395:2012
177	Thí nghiệm nén gối đàn hồi	ASTM D4014-95
178	Kết cấu bê tông cốt thép, đánh giá độ bền kết cấu bằng phương pháp chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
179	Kiểm tra độ chặt, cường độ nền đường, môđun biến dạng bằng thiết bị thử động hiện trường	ASTM D1195 ASTM D1196
180	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn, phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
181	Bê tông nặng, phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.